

**CHƯƠNG TRÌNH
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH**

triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam và Chương trình hành động số 33-CTr/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam (sau đây gọi là *Nghị quyết 19-NQ/TW*) và Chương trình hành động số 33-CTr/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW (sau đây gọi là *Chương trình hành động số 33-CTr/TW*); Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình thực hiện như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt sâu sắc, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và chuyển biến mạnh mẽ trong hành động của cả hệ thống chính trị và Nhân dân trong tỉnh về đổi mới mô hình phát triển đất nước theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 33-CTr/TW.

2. Cụ thể hoá kịp thời, đầy đủ, đồng bộ các quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 33-CTr/TW phù hợp với điều kiện, tiềm năng, lợi thế và thực tiễn của tỉnh Lâm Đồng; gắn kết chặt chẽ với việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 của tỉnh.

3. Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm; phân công rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, rõ tiến độ, rõ sản phẩm đầu ra, rõ nguồn lực thực hiện, gắn với trách nhiệm người đứng đầu, làm căn cứ để các cấp, các ngành trong tỉnh tổ chức thực hiện; bảo đảm cơ chế kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thường xuyên, thực chất, góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 33-CTr/TW đề ra.

II- CÔNG TÁC QUÁN TRIỆT NGHỊ QUYẾT VÀ TRIỂN KHAI

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức hội nghị quán triệt, học tập Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW và Chương trình này đến đội ngũ cán bộ chủ chốt toàn tỉnh (hoàn thành trong tháng 8/2026).

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW và Chương trình này đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân; chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh tăng cường tuyên truyền nội dung và kết quả thực hiện *(hoàn thành trong tháng 8/2026 và chỉ đạo thực hiện thường xuyên)*.

3. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Bí thư các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Bí thư đảng ủy các xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW và Chương trình này trong phạm vi phụ trách *(hoàn thành trong tháng 8/2026)*.

III- CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Trên cơ sở chỉ tiêu chủ yếu về đổi mới mô hình phát triển đất nước đến năm 2030, năm 2035 và năm 2045 tại Phụ lục 1 kèm theo Chương trình hành động số 33-CTr/TW của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành hệ thống chỉ tiêu cụ thể được thể hiện tại Phụ lục 1 kèm theo Chương trình này.

2. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ đạo cụ thể hoá các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực và thể hiện trong chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện.

IV- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, ban hành chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW và Chương trình này phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Chương trình, kế hoạch thực hiện cần cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ thành chỉ tiêu, thứ tự ưu tiên, tiến độ, thời gian thực hiện, phân bổ nguồn lực, sản phẩm đầu ra, gắn với trách nhiệm người đứng đầu và cơ chế kiểm tra, giám sát thường xuyên nhằm bảo đảm mục tiêu:

- *Đến năm 2030*, hoàn thành tạo lập các nền tảng cho mô hình phát triển mới của tỉnh, gồm: hoàn thiện thể chế, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng kiến tạo phát triển; xây dựng đồng bộ, hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược (giao thông, hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu); phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và các doanh nghiệp dẫn dắt của tỉnh.

- *Đến năm 2035*, hoàn thành cơ bản quá trình chuyển đổi sang mô hình phát triển tự cường, sáng tạo, nhân văn, bền vững và hội nhập, với: mô hình kinh tế hiệu quả cao, sáng tạo, xanh, tự chủ, bao trùm và hội nhập; mô hình phát triển xã hội hiện

đại, toàn diện, bao trùm, bền vững; mô hình phát triển văn hóa, con người hiện đại, sáng tạo, giàu bản sắc và nhân văn; mô hình phát triển môi trường sinh thái hiện đại, thông minh, bền vững, thích ứng; mô hình quốc phòng, an ninh toàn dân, hiện đại, tự chủ, thông minh, lưỡng dụng và thích ứng; mô hình đối ngoại và hội nhập quốc tế chủ động, toàn diện, hiệu quả, bản sắc; mô hình quản trị địa phương dân chủ, hiện đại, thông minh, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả.

- Đến năm 2045, hình thành mô hình phát triển tỉnh Lâm Đồng tự cường, sáng tạo, nhân văn, bền vững, hội nhập, vận hành đồng bộ, hài hòa, hiệu quả các mô hình thành phần trên các lĩnh vực, góp phần cùng cả nước hiện thực hóa mục tiêu trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

2. Khẩn trương rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, quy định trên các lĩnh vực nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 33-CTr/TW; đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW và Chương trình này; kịp thời phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng các mô hình mới, cách làm hay, hiệu quả cao; chấn chỉnh những nơi thực hiện chưa tốt.

3. Tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, toàn diện, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW và Chương trình này, gắn với triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I và các nghị quyết, chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và xây dựng, chỉnh đốn Đảng của tỉnh; tăng cường đoàn kết, phát huy dân chủ, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, quyết tâm thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết.

4. Chủ động ban hành hoặc lồng ghép, hợp nhất các chương trình thực hiện các mục tiêu, đề án, chương trình phát triển ngành, lĩnh vực thành chương trình, kế hoạch để triển khai Chương trình này. Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm đổi mới mô hình phát triển. Tập trung khắc phục những hạn chế, tồn tại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện đổi mới mô hình phát triển.

(Danh mục các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể tại Phụ lục 2 kèm theo Chương trình này).

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các đoàn thể và đảng ủy trực thuộc tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW và Chương trình này đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân; nghiên cứu, rà soát các giải pháp huy động các nguồn lực để đổi mới mô hình phát triển địa phương; xây dựng kế hoạch để thực hiện với các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình gắn với phân công cụ thể trách nhiệm của từng tập thể,

cá nhân, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thực tiễn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, **hoàn thành trong quý III/2026**; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân tích cực thực hiện; tham gia giám sát, phản biện xã hội việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW và Chương trình này; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về đổi mới mô hình phát triển của tỉnh (*hoàn thành trong tháng 9/2026 và thực hiện thường xuyên*).

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW và Chương trình này (*từ tháng 8/2026*).

4. Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW và Chương trình này trên địa bàn tỉnh (*hoàn thành kế hoạch trong quý IV/2026; tổ chức thực hiện từ quý I/2027*).

5. Trường Chính trị tỉnh lồng ghép nội dung đổi mới mô hình phát triển vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, cập nhật kiến thức mới cho đội ngũ cán bộ, đảng viên của tỉnh.

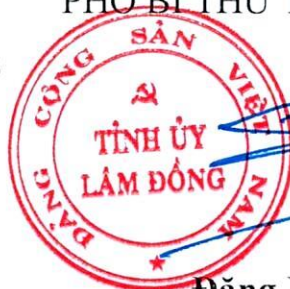
6. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW và Chương trình này (*hoàn thành trong tháng 8/2026*); lãnh đạo bố trí, huy động nguồn lực tương ứng để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu (*thực hiện thường xuyên*); chủ trì, phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy và các đảng ủy trực thuộc thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo Trung ương theo quy định.

Chương trình này phổ biến đến các chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (báo cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng (báo cáo);
- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương (báo cáo);
- Đảng ủy Chính phủ;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Đảng ủy các xã, phường, đặc khu;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, THKT.

T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC



Đặng Hồng Sỹ



Phụ lục 1

**CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ ĐỔI MỚI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN TỈNH LÂM ĐỒNG
ĐẾN NĂM 2030, NĂM 2035 VÀ NĂM 2045**

(Kèm theo Chương trình số 39-CTr/TU, ngày 24/8/2026 của Tỉnh ủy)

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045	Đơn vị theo dõi	Ghi chú
I	Nhóm chỉ tiêu về thể chế, quản trị quốc gia và hoàn thiện hệ thống chính trị					
1	Xếp hạng về phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số của tỉnh	Thuộc nhóm 15 tỉnh dẫn đầu	Thuộc nhóm 15 tỉnh dẫn đầu	Thuộc nhóm 10 tỉnh dẫn đầu	Sở Khoa học và công nghệ	
2	Xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Chỉ số PCI của tỉnh nằm từ nhóm Khá đến nhóm Tốt của cả nước	Chỉ số PCI của tỉnh nằm trong nhóm Tốt của cả nước	Chỉ số PCI của tỉnh nằm trong nhóm Tốt của cả nước	Trung tâm xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	
3	Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)	Trung bình toàn tỉnh đạt trên 88%	Trung bình toàn tỉnh đạt trên 88 - 90%	Trung bình toàn tỉnh đạt trên 95%	Sở Nội vụ	
4	Tỉ lệ các Sở, ngành, địa phương sử dụng nền tảng số phục vụ điều hành theo mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	100% Sở, ngành, địa phương đạt cấp độ 4 và 90% đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	Khoảng 95% Sở, ngành, địa phương đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	100% Sở, ngành, địa phương đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	
II	Nhóm chỉ tiêu về kinh tế					
5	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm (%)	10,0 - 10,55	8,0 - 8,5	7,0 - 7,5	Thống kê tỉnh	

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045	Đơn vị theo dõi	Ghi chú
6	GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) (USD)	8.000	11.500 - 13.000	26.000 - 28.000	Thống kê tỉnh	
7	Tỉ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP (%)	>55	>55	>55	Thống kê tỉnh	
8	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm (%)	6,5 - 7,5	7,29 - 7,78	6,63 - 7,12	Thống kê tỉnh	
9	Tỉ trọng kinh tế số trong GRDP đến cuối kỳ (%)	25 - 30	30-35	Trên 35	Thống kê tỉnh	
10	Xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo của tỉnh	Nhóm Trung bình - Khá	Nhóm Khá	Nhóm Khá	Sở Khoa học và Công nghệ	
11	Tốc độ tăng số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bản bảo hộ sáng chế (trung bình/năm)	Khoảng 10 - 12 đơn/năm	Khoảng 17 - 19 đơn/năm	Khoảng 18 - 20 đơn/năm	Sở Khoa học và Công nghệ	
12	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo (đến cuối kỳ) (%)	≥30	≥40	≥50	Sở Khoa học và Công nghệ	
13	Kinh phí chi cho nghiên cứu và phát triển so với GRDP, trong đó tỉ trọng kinh phí từ xã hội (đến cuối kỳ)	2%; >60	3%; >65-70	3 - 3,5%; >70-80	Sở Tài chính	
III Nhóm chỉ tiêu về xã hội						
14	Phát triển dân số (đến cuối kỳ)	Quy mô dân số đạt khoảng 3,53 triệu người	Quy mô dân số đạt khoảng 3,675 triệu người	Quy mô dân số đạt khoảng 3,826 triệu người	Thống kê tỉnh	
15	Số người hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ (đến cuối kỳ)	12 người trên 1 vạn dân	20 người trên vạn dân	56 - 60 người trên vạn dân	Sở Khoa học và Công nghệ	

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045	Đơn vị theo dõi	Ghi chú
16	Tỉ lệ người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ (STEM)	>29% tổng số sinh viên	>35% tổng số sinh viên	>42% tổng số sinh viên	Sở Giáo dục và Đào tạo	
17	Phát triển nhân lực số	Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo về công nghệ thông tin và truyền thông đạt khoảng 200 người/năm, trong đó ít nhất 15% được cấp bằng kỹ sư, thạc sĩ hoặc tiến sĩ.	Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo về công nghệ thông tin và truyền thông đạt khoảng 250 người/năm, trong đó ít nhất 20% được cấp bằng kỹ sư, thạc sĩ hoặc tiến sĩ.	Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo về công nghệ thông tin và truyền thông đạt trên 350 người/năm, trong đó ít nhất 25% được cấp bằng kỹ sư, thạc sĩ hoặc tiến sĩ.	Sở Giáo dục và Đào tạo	
18	Số lượng cơ sở giáo dục đào tạo của tỉnh có chương trình đạt chuẩn khu vực, quốc tế	Có ít nhất 01 cơ sở	Có ít nhất 02 cơ sở	Có ít nhất 03 cơ sở	Sở Giáo dục và Đào tạo	
19	Tỉ lệ tham gia hệ thống an sinh xã hội (đến cuối kỳ)	- Khoảng 28% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội. - Khoảng 20% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp. - Hướng tới bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân, đạt 100% dân số tham gia bảo hiểm y tế.	- Khoảng 35% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội. - Khoảng 25% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp. - Duy trì bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân, đạt 100% dân số tham gia bảo hiểm y tế. - Khoảng 35% số người sau độ tuổi nghỉ	- Khoảng 45% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội. - Khoảng 35% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp. - Duy trì bảo hiểm y tế toàn dân, đạt 100% dân số tham gia bảo hiểm y tế. - Khoảng 45% số người sau độ tuổi nghỉ	Bảo hiểm xã hội tỉnh	

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045	Đơn vị theo dõi	Ghi chú
		- Khoảng 28% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội.	hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội.	hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội.		
20	Tuổi thọ trung bình, số năm sống khoẻ (đến cuối kỳ)	Tuổi thọ trung bình 75,1 tuổi; số năm sống khoẻ tối thiểu 68 năm	Tuổi thọ trung bình 75,67 tuổi; số năm sống khoẻ tối thiểu 69 tuổi	Tuổi thọ trung bình trên 76,23 tuổi; số năm sống khoẻ tối thiểu trên 70 năm	Thống kê tỉnh	
IV	Nhóm chỉ tiêu về văn hoá, con người					
21	Chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh	0,75	0,767	0,798	Thống kê tỉnh	
22	Phát triển thương hiệu, lễ hội, sự kiện văn hoá có uy tín quốc gia, quốc tế (đến cuối kỳ)	Xây dựng thành công 2 thương hiệu liên hoan nghệ thuật, lễ hội văn hoá quốc tế về âm nhạc, thời trang	Xây dựng và duy trì 2 thương hiệu liên hoan nghệ thuật, lễ hội văn hoá có uy tín quốc tế	Có 3 thương hiệu liên hoan nghệ thuật, lễ hội văn hoá có uy tín quốc tế	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
V	Nhóm chỉ tiêu về môi trường sinh thái					
23	Tỉ lệ giảm phát thải khí nhà kính (%)	Khoảng 16%	Khoảng 20%	Phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
24	Tỉ lệ tái tạo năng lượng trong tổng năng lượng cung cấp, sử dụng (đến cuối kỳ)(%)	Khoảng 50 - 60%	Khoảng 60 - 70%	Khoảng 70 - 80%	Sở Công Thương	

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045	Đơn vị theo dõi	Ghi chú
25	Tỉ lệ khu công nghiệp sinh thái được công nhận trong tổng số khu công nghiệp đang hoạt động (đến cuối kỳ) (%)	Khoảng 5%	Khoảng 7%	Khoảng 13%	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	
26	Mức độ sẵn sàng và tham gia thị trường tín chỉ các-bon của các cơ sở, chủ thể trên địa bàn tỉnh	Chuẩn bị điều kiện, hỗ trợ cơ sở, chủ rừng, doanh nghiệp tham gia thị trường các-bon; quản lý hoạt động trao đổi tín chỉ các-bon theo quy định	Tiếp tục hỗ trợ hỗ trợ cơ sở, chủ rừng, doanh nghiệp tham gia thị trường các-bon; quản lý hoạt động trao đổi tín chỉ các-bon theo quy định	Tiếp tục hỗ trợ hỗ trợ cơ sở, chủ rừng, doanh nghiệp tham gia thị trường các-bon; quản lý hoạt động trao đổi tín chỉ các-bon theo quy định	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
27	Phòng, chống và thích ứng với biến đổi khí hậu (đến cuối kỳ)	- $\geq 70\%$ số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn. - Hoàn thành di dời 80% số hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn. - Xử lý cơ bản tình trạng ngập úng tại các đô thị lớn.	- $> 80\%$ số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn. - Hoàn thành di dời 90% số hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn. - Kiểm soát tình trạng ngập úng tại các đô thị lớn.	- 100% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn. - Hoàn thành di dời 100% số hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn. - 100% đô thị lớn ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong xử lý tình trạng ngập úng.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
VI	Nhóm chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh					
28	Xếp hạng về Chỉ số an ninh mạng	Xây dựng và thực hiện các bộ tiêu chí	Xây dựng và thực hiện các bộ tiêu chí	Xây dựng và thực hiện các bộ tiêu chí	Công an tỉnh	

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045	Đơn vị theo dõi	Ghi chú
		theo hướng dẫn của Bộ Công an, góp phần nâng cao xếp hạng về chỉ số an ninh mạng của Việt Nam thuộc nhóm 15 quốc gia dẫn đầu thế giới theo đánh giá của Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU)	theo hướng dẫn của Bộ Công an, góp phần nâng cao xếp hạng về chỉ số an ninh mạng của Việt Nam thuộc nhóm 12 quốc gia dẫn đầu thế giới theo đánh giá của Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU)	theo hướng dẫn của Bộ Công an, góp phần nâng cao xếp hạng về chỉ số an ninh mạng của Việt Nam thuộc nhóm 10 quốc gia dẫn đầu thế giới theo đánh giá của Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU)		
29	Phát triển công nghiệp an ninh, an ninh mạng của tỉnh	Góp phần phần đầu tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp an ninh mạng đạt bình quân trên 25%/năm	Phần đầu tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp an ninh mạng đạt bình quân khoảng 20%/năm	Phần đầu xây dựng 01 trung tâm phát triển, cung cấp giải pháp an ninh mạng, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ, công nghệ của Việt Nam đặt tại Lâm Đồng	Công an tỉnh	
30	Phát triển công nghiệp an ninh tự chủ, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại	Phần đầu đến năm 2030, lực lượng công an tỉnh được trang cấp vũ khí, trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ từ sản phẩm công nghiệp an ninh Việt Nam (đáp ứng	Đến năm 2035, lực lượng công an tỉnh được trang cấp vũ khí, trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ từ sản phẩm công nghiệp an ninh Việt Nam (đáp ứng trên	Đến năm 2045, lực lượng công an tỉnh được trang cấp vũ khí, trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ từ sản phẩm công nghiệp an ninh Việt Nam (đáp ứng trên	Công an tỉnh	

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045	Đơn vị theo dõi	Ghi chú
		trên 70% nhu cầu của công an tỉnh)	80% nhu cầu của công an tỉnh)	100% nhu cầu của công an tỉnh)		
VII	Nhóm chỉ tiêu về đối ngoại và hội nhập quốc tế					
31	Thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ, nhà đầu tư chiến lược hàng đầu trong và ngoài nước đến đầu tư tại tỉnh (đến cuối kỳ)	Thu hút tối thiểu 05 tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ, nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư tại tỉnh	Thu hút tối thiểu 10 tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ, nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư tại tỉnh	Thu hút tối thiểu 20 tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ, nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư tại tỉnh	Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại và Du lịch	



Phụ lục 2

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP QUAN TRỌNG TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 19-NQ/TW, CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 33-CTr/TW**

(Kèm theo Chương trình số 39 -CTr/TU, ngày 24/8/2026 của Tỉnh ủy)

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
I	Về thể chế, quản trị địa phương và hoàn thiện hệ thống chính trị						
1	Rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị	Giai đoạn 2026 - 2027	Đề án	NSNN	
2	Kế hoạch triển khai khung mô hình phát triển tổng quát và các mô hình phát triển thành phần trên các lĩnh vực: kinh tế, xã hội, văn hoá - con người, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế, quản trị quốc gia	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan liên quan	Quý III/2027	Kế hoạch	NSNN	
3	Theo dõi, báo cáo, đánh giá việc thực hiện hệ thống nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Đảng	Văn phòng Tỉnh ủy	Đảng ủy các cơ quan liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Đề xuất tích hợp hoặc sơ kết, tổng kết, kết thúc thời hạn thực hiện	NSNN	
4	Rà soát, lồng ghép, gắn kết các nhiệm vụ của Tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam và 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với Kế hoạch, chương trình triển khai thực hiện Nghị quyết về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Đảng ủy các cơ quan liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Báo cáo, Chuyên đề	NSNN	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
5	Triển khai khung chỉ số quản trị quốc gia	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Đảng ủy các cơ quan liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Kế hoạch, đề án	NSNN	
6	Triển khai thực hiện bộ tiêu chí đánh giá phẩm chất, năng lực, uy tín cán bộ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Đảng ủy các cơ quan liên quan	Giai đoạn 2026 - 2027	Kế hoạch	NSNN	
7	Đổi mới công tác báo cáo trong toàn hệ thống chính trị (theo hướng tinh gọn, thống nhất, số hoá, liên thông, dựa trên dữ liệu)	Văn phòng Tỉnh ủy	Đảng ủy các cơ quan liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Hệ thống báo cáo	NSNN	
8	Kế hoạch triển khai Đề án Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài trong kỷ nguyên mới	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nội vụ, các cơ quan liên quan	Giai đoạn 2026 - 2045	Kế hoạch	NSNN	
9	Xây dựng, vận hành hệ thống dữ liệu, nền tảng số dùng chung của tỉnh phục vụ quản trị, điều hành	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Nền tảng số, cơ sở dữ liệu	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
10	Kế hoạch triển khai phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nội vụ, các đơn vị liên quan	Năm 2026	Kế hoạch	NSNN	
11	Dự án “Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu không gian địa lý dùng chung tỉnh Lâm Đồng”; phát triển Cổng dữ liệu mở	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan	Năm 2026	Hệ thống cơ sở dữ liệu	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
12	Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển kinh tế không gian tầm thấp	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026 - 2027	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
13	Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển kinh tế không gian ngầm	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026 - 2027	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
II	Về kinh tế						
14	Kế hoạch triển khai đồng bộ, hiệu quả chiến lược chuyển đổi trí tuệ nhân tạo quốc gia (AIX)	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan liên quan	Giai đoạn 2026 - 2045	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
15	Kế hoạch triển khai chiến lược phát triển năng lượng và công nghiệp ngoài khơi (sau khi Trung ương ban hành chiến lược)	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Công Thương, các cơ quan liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
16	Tổng kết Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và sơ kết Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các chiến lược liên quan	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Công Thương, Xây dựng, các cơ quan liên quan	Giai đoạn 2027 - 2028	Báo cáo	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
17	Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển các ngành dịch vụ theo hướng hiện đại hoá hệ sinh thái dịch vụ, phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Công Thương, các cơ quan liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
18	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển hệ thống Logistics	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Công Thương, các cơ quan liên quan	Giai đoạn 2026 - 2035	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
19	Xây dựng chương trình thay thế chương trình thực hiện Nghị Quyết 39-NQ/TW về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Tài chính, các đơn vị liên quan	Năm 2027	Chương trình hành động	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
20	Lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, nông thôn trên địa bàn tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Xây dựng, UBND các xã, phường, đặc khu	Quý III/2026	Quyết định phê duyệt	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
21	Chương trình phát triển đô thị	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Xây dựng, các sở, ngành, địa phương	Quý IV/2026	Chương trình	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
22	Chương trình phát triển nhà ở	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Xây dựng, các sở, ngành, địa phương	Quý III/2026	Chương trình	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
23	Xây dựng, hoàn thiện, vận hành và cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai; kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Cơ sở dữ liệu được chuẩn hóa, vận hành, cập nhật và kết nối	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
24	Xây dựng Đề án an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và	Giai đoạn 2026 - 2030	Đề án	NSNN và nguồn	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
			Môi trường, các đơn vị liên quan			hợp pháp khác	
25	Nghị quyết của Tỉnh ủy về huy động các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đến năm 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Tài chính, các sở, ngành, địa phương liên quan	Quý III/2026	Nghị quyết	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
26	Tham mưu triển khai cơ chế tham gia thị trường tín chỉ các-bon; cơ chế khai thác dịch vụ du lịch dưới tán rừng	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị liên quan	Năm 2026	Văn bản	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
27	Hoàn thành bàn giao mặt bằng Dự án đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam qua địa bàn tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Xây dựng, các đơn vị liên quan	Quý IV/2028	Dự án được triển khai	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
28	Đề án thành lập Khu công nghệ cao tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Quyết định phê duyệt	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
29	Đề án thành lập Khu kinh tế đặc biệt	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, các đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Đề án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
30	Kế hoạch đầu tư tạo quỹ đất sạch trên địa bàn tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	Quý IV/2026	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
31	Chính sách đặc thù hình thành Trung tâm công nghiệp khai thác bô-xít, nhôm, chế biến sâu titan quốc gia	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Công Thương, các cơ quan liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Dự thảo cơ chế, chính sách	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
32	Đề án phát triển ngành y tế đến năm 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Y tế, các đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Đề án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
33	Kế hoạch phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong lĩnh vực giáo dục	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị liên quan	Năm 2026	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
34	Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Công Thương, các đơn vị liên quan	Năm 2026	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
35	Đề án sắp xếp, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 đối với các công ty lâm nghiệp	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị liên quan	Năm 2026	Đề án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
36	Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã đến năm 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Tài chính, các đơn vị liên quan	Năm 2026	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
37	Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hằng năm	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Tài chính, các đơn vị liên quan	Hằng năm	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
38	Đề án phát triển các vùng sản xuất chuyên canh tập trung, ứng dụng công nghệ cao, sinh thái	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị liên quan	Năm 2026	Đề án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
39	Kế hoạch thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế toàn tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Bảo hiểm xã hội tỉnh, các đơn vị liên quan	Năm 2026	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
40	Chương trình xúc tiến đầu tư giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch, các đơn vị liên quan	Năm 2026	- Báo cáo chiến lược xúc tiến, thu hút đầu tư giai đoạn 2026 - 2030 - Bộ tài liệu xúc tiến đầu tư giai đoạn 2026 - 2030 (Song ngữ Việt - Anh)...	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
41	Kế hoạch triển khai chiến lược quốc gia phát triển công nghiệp vật liệu Việt Nam đến năm 2045	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Công Thương,	Giai đoạn 2026 - 2030	Kế hoạch	NSNN và nguồn	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
			Xây dựng, các cơ quan liên quan			hợp pháp khác	
III	Về xã hội						
42	Triển khai các bộ tiêu chí quốc gia đánh giá toàn diện về xã hội, các bộ chỉ số về hạnh phúc xã hội, chất lượng sống, niềm tin xã hội, bảo đảm an ninh con người.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Thống kê tỉnh, các đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Bộ tiêu chí, chỉ số	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
43	Xây dựng hệ thống nắm bắt dư luận, nhu cầu xã hội và cảnh báo sớm rủi ro trên nền tảng dữ liệu số, thời gian thực	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	Đảng ủy Công an tỉnh, các cơ quan liên quan	Giai đoạn 2026 - 2027	Hệ thống theo dõi, cảnh báo sớm	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
44	Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia về dân số đến năm 2045 trên cơ sở tổng kết Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Y tế, các đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026 - 2045	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
45	Kế hoạch triển khai Đề án về phát triển nguồn nhân lực quốc gia gắn với thị trường lao động hiện đại	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nội vụ, các đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
46	Triển khai bộ chỉ số giám sát chất lượng nguồn lao động, việc làm bền vững, đào tạo, thu nhập, bảo hiểm xã hội và mức độ hài lòng của người lao động, doanh nghiệp	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nội vụ, các đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026 - 2027	Bộ chỉ số	NSNN và nguồn hợp pháp khác	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
47	Chính sách hỗ trợ miễn, giảm chi phí cho một số đối tượng chính sách, người nghèo, người yếu thế trong khám, chữa bệnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Y tế, các cơ quan liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Chính sách được ban hành	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
48	Chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút và đãi ngộ nguồn nhân lực y tế giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Y tế, các cơ quan liên quan	Quý III/2026	Chính sách	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
49	Triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2035	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp Môi trường, các đơn vị liên quan	Nhiệm vụ triển khai thường xuyên	Kế hoạch, Báo cáo định kỳ	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
50	Đề án đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực du lịch tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, các địa phương	Quý III/2026	Đề án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
51	Đề án phát triển, thu hút, trọng dụng nhân tài làm việc tại tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nội vụ, các đơn vị liên quan	Quý III/2026	Đề án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
52	Xây dựng Nghị quyết quy định hỗ trợ và mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nội vụ, các đơn vị liên quan	Quý III/2026	Nghị quyết	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
53	Nghị quyết của Tỉnh ủy về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên (gắn với Đề án về	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo,	Quý III/2026	Nghị quyết	NSNN và nguồn	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
	đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, quản lý, giáo viên)		các đơn vị liên quan			hợp pháp khác	
54	Đề án đào tạo nghề và giải quyết việc làm	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị liên quan	Năm 2026	Đề án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
IV	Về văn hoá, con người						
55	Thí điểm các mô hình mới về văn hoá số, sáng tạo nội dung số, nghệ thuật số, du lịch di sản thông minh, kinh tế đêm, không gian sáng tạo	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan liên quan	Giai đoạn 2026 - 2028	Mô hình	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
56	Triển khai thí điểm xây dựng sản giao dịch sản phẩm văn hoá nghệ thuật trên môi trường số	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Công Thương, các đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026 - 2028	Mô hình thí điểm	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
57	triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh quy mô lớn, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng, thiên tai, thảm họa, an ninh y tế cấp quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 gắn với Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ Nhân dân đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Y tế	Giai đoạn 2026 - 2030	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
58	Đề án thí điểm thực hiện mô hình xã phường xã hội chủ nghĩa đến năm 2045	Ban Tuyên Giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh, địa phương liên quan	Giai đoạn 2026 - 2027	Đề án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
59	Đề án phát triển công nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Quý IV/2026	Đề án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
60	Xây dựng, tổ chức các lễ hội, sự kiện văn hoá, nghệ thuật có thương hiệu, hướng tới uy tín khu vực và quốc tế	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, các địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Sự kiện, lễ hội thường niên	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
61	Đề án phát triển kinh tế ban đêm trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, các địa phương	Quý III/2026	Đề án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
62	Đề án chuẩn mực văn hóa, gia đình con người Lâm Đồng gắn với hệ giá trị quốc gia, văn hóa, gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, các địa phương	Tháng 8/2026	Đề án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
63	Đề án bảo tồn các giá trị văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo tồn giá trị di sản văn hóa tiêu biểu quốc gia, quốc tế	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, đơn vị liên quan	Quý III/2026	Đề án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
64	Đề án xây dựng và phát triển Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông đến năm 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, đơn vị liên quan	Quý IV/2026	Đề án	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
V	Về môi trường sinh thái						

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
65	Xây dựng, triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
66	Xây dựng Kế hoạch triển khai chiến lược quốc gia về phát triển công nghiệp môi trường	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
67	Triển khai các mô hình khu công nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính, tiến tới tham gia thị trường tín chỉ các-bon	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Ban Quản lý các khu công nghiệp	Giai đoạn 2026 - 2030	Mô hình	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
68	Báo cáo chuyên đề về giải pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm thiểu tổn thất và thiệt hại của biến đổi khí hậu, sẵn sàng ứng phó với thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan liên quan	Năm 2026	Báo cáo	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
VI	Về quốc phòng, an ninh						
69	Kế hoạch triển khai Đề án phát triển các khu kinh tế - quốc phòng gắn với các đảo, vùng biển chiến lược, kết hợp phát triển kinh tế biển, đảo với bảo vệ chủ quyền	Đảng ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh, các đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026 - 2027	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
70	Xây dựng danh mục dữ liệu lĩnh vực quốc phòng, an ninh cần ưu tiên bảo vệ; hạ tầng dữ liệu, hệ	Đảng ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh,	Đảng ủy Các cơ quan, địa phương liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Hạ tầng dữ liệu, hệ thống chỉ huy - điều hành	NSNN và nguồn	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
	thống chỉ huy - điều hành số phục vụ khu vực phòng thủ tỉnh	Đảng ủy Công an tỉnh				hợp pháp khác	
71	Triển khai hạ tầng dữ liệu quốc phòng, hệ thống chỉ huy, điều hành số	Đảng ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh, các đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Hạ tầng dữ liệu	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
72	Triển khai chính sách đặc thù phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh	Đảng ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh	Đảng ủy các đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026 - 2027	Chính sách	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
73	Xây dựng cơ chế theo dõi, cảnh báo sớm rủi ro chuỗi cung ứng và công nghệ	Đảng ủy Công an tỉnh	Đảng ủy Các cơ quan, địa phương liên quan	Giai đoạn 2026 - 2028	Cơ chế theo dõi, cảnh báo sớm	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
74	Xây dựng chính sách đặc thù phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh	Đảng ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh	Đảng ủy Các cơ quan, địa phương liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Chính sách	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
75	Kế hoạch triển khai hiệu quả Chiến lược an ninh quốc gia trong kỷ nguyên mới	Đảng ủy Công an tỉnh	Đảng ủy Các cơ quan, địa phương liên quan	Giai đoạn 2026 - 2045	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
76	Triển khai các cơ chế kiểm tra sức chống chịu quốc gia trước các rủi ro an ninh quốc gia	Đảng ủy Công an tỉnh	Đảng ủy Các cơ quan, địa phương liên quan	Giai đoạn 2026 - 2028	Kế hoạch, dự án	NSNN	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
77	Triển khai các nền tảng số dùng chung phục vụ quản lý, điều hành, giám sát và dự báo an ninh	Đảng ủy Công an tỉnh	Đảng ủy Các cơ quan, địa phương liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Dự án	NSNN	
VII	Về đối ngoại và hội nhập quốc tế						
78	Xây dựng, triển khai kế hoạch xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại và du lịch của tỉnh gắn với thu hút các tập đoàn, nhà đầu tư chiến lược, đối tác quốc tế	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch, các sở, ngành liên quan	Hằng năm	Chương trình/ Kế hoạch xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch hàng năm	NSNN và nguồn hợp pháp khác	
79	Tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư; liên kết tổ chức sự kiện xúc tiến đầu tư theo vùng và tại các thành phố lớn trong và ngoài nước (kết hợp với hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch, quảng bá văn hóa)	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch, các sở, ngành liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	- Tổ chức Xúc tiến Đầu tư kết hợp với hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch, quảng bá văn hóa tại nước ngoài: 10 hội nghị, sự kiện kết nối. - Tổ chức Xúc tiến Đầu tư kết hợp với hoạt động xúc tiến thương mại, du lịch, quảng bá văn hóa trong nước: 10 hội nghị, sự kiện kết nối	NSNN và nguồn hợp pháp khác	

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Kết quả/ sản phẩm	Nguồn lực	Ghi chú
80	Kế hoạch triển khai Chiến lược đối ngoại toàn diện ở tầm cao mới	Đảng ủy UBND tỉnh	Chi ủy Sở Ngoại vụ, các sở, ngành liên quan	Giai đoạn 2026 - 2030	Kế hoạch	NSNN và nguồn hợp pháp khác	

Ghi chú: Danh mục trên là khung nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm ban đầu; các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao chủ trì có trách nhiệm cụ thể hoá tên đề án/nhiệm vụ, sản phẩm đầu ra và đề xuất bổ sung nhiệm vụ phù hợp thực tiễn, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cập nhật trong quá trình tổ chức thực hiện.